

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Tâm  
Ông Đỗ Văn Long

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-ST ngày 09/01/2025 giữa các đương sự

**1. Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn Hạ Long, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: Số 1043-1, Senne, Yoshi-cho, thành phố Ukiha, tỉnh Fukuoda-Nhật Bản.

Chị T ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Đoàn Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (văn bản ủy quyền ngày 27/8/2024, không triệu tập)

**2. Bị đơn:** Anh Lê Văn D, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T, trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn D, kết hôn với nhau ngày 04/06/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh D có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị đã về gia đình anh D làm dâu ngay, vợ chồng cùng chung sống với gia đình nhà chồng. Vợ chồng sống với nhau hòa thuận hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế gia đình, năm 2020 chị quyết định làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản. Thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc qua điện thoại, hỏi thăm sức khỏe, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Do điều kiện hai vợ chồng sinh sống quá xa cho nên giữa chị và anh D việc hỏi thăm nhau thưa dần. Mỗi lần điện thoại cho nhau, vợ chồng lại mâu thuẫn, cãi nhau, không tiếp tục nói chuyện được nữa. Hiện nay, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, quan hệ vợ chồng không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh D được ly hôn.

Về con chung: chị và anh D có 01 con chung cháu Lê Bảo N, sinh ngày 10/01/2017. Vợ chồng ly hôn chị và anh D thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T trình bày do ở xa, không thể về Việt Nam dự phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh D, chị đề nghị được vắng tại các phiên tòa. Chị ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Đoàn Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

*Bị đơn anh Lê Văn D trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Huyền T, kết hôn với nhau ngày 04/06/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh và chị T có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, có được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị T về gia đình anh làm dâu ngay, vợ chồng cùng chung sống với gia đình anh D. Vợ chồng sống với nhau hòa thuận hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế gia đình, năm 2020 chị T làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản. Thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc qua điện thoại, hỏi thăm sức khỏe, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Do điều kiện vợ chồng sinh sống quá xa nên giữa anh và chị T việc hỏi thăm nhau thưa dần. Mỗi lần điện thoại cho nhau, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, không tiếp tục nói chuyện được nữa. Hiện nay, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm

đến nhau nữa, quan hệ vợ chồng không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh đồng ý đề nghị Tòa án sớm giải quyết để vợ chồng được giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung cháu Lê Bảo N, sinh ngày 10/01/2017. Vợ chồng ly hôn anh và chị T thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh D trình bày: Do mâu thuẫn giữa anh và chị T không thể hòa giải được nên anh đề nghị không hòa giải quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T. Anh thường xuyên đi làm ăn xa, không về tham dự phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị T và anh. Anh đề nghị xét xử vắng mặt anh trong các phiên tòa.

*Cháu Lê Bảo N trình bày:* Cháu là con mẹ Nguyễn Thị Huyền T, con bố Lê Văn D. Cháu có biết mẹ cháu có đơn ly hôn bố Lê Văn D. Bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với bố là Lê Văn D.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Văn D đều vắng mặt và đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T và bản tự khai của anh D và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị T và bị đơn anh D đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị xét xử vắng mặt chị T, anh D.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T. Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Lê Văn D.

Về con chung: Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Lê Bảo N, sinh ngày 10/01/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T và anh D tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị T và anh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn D và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo Công văn số 21482/QLXNC-P3 ngày 19/9/2024 của Cục Q- Bộ C cung cấp trường hợp chị Nguyễn Thị Huyền T từ năm 2009 đến nay đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 14/09/2024 qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế N1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định chị T hiện nay ở nước ngoài. Mặt khác chị T, anh D đều có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Việc vắng mặt đương sự: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh D.

[4]. Về hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn ngày 04/06/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị T yêu cầu khởi kiện giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn D.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T, anh D chung sống hòa thuận. Năm 2020 chị T đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản. Thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc qua điện thoại, hỏi thăm sức khỏe, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Do điều kiện vợ chồng sinh sống quá xa cho nên giữa chị T và anh D việc hỏi thăm nhau thưa dần. Mỗi lần điện thoại cho nhau, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, không tiếp tục nói chuyện được nữa. Hiện nay, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau. Do xa cách khoảng địa lý và thời gian dài không gặp nhau khiến vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn

dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và không thể giải quyết được. Vợ chồng không còn thương yêu quý trọng nhau, không còn tôn trọng nhau, không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa. Hiện nay, chị T và anh D không còn liên lạc với nhau nữa. Chị T xin ly hôn anh D, anh D đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị T được ly hôn anh D.

[5]. Về con chung: chị T và anh D có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 10/01/2017. Hiện nay cháu N đang ở cùng anh D, sau khi vợ chồng ly hôn chị T đề nghị giao con chung cho anh D nuôi, anh D đồng ý, cháu N trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng bố.

Xét yêu cầu giao con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy: hiện nay chị T đang lao động, cư trú ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung, từ khi chị T đi nước ngoài con chung vẫn do anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu N phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần. Do vậy đề nghị của chị T là có căn cứ. Mặt khác, cháu N có nguyện vọng được ở với bố, anh D cũng đồng ý với đề nghị của chị T. Do vậy, căn cứ quy định Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Lê Bảo N cho anh D nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp chị T có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh D tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Huyền T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Lê Văn D

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 10/01/2017 cho anh Lê Văn D nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Huyền T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000272 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Huyền T hiện đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 01 kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Lê Văn D đang cư trú ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã G, huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**









